

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/DS-ST

Ngày: 22/9/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Lát.

Ông Huỳnh Văn Sen.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H, sinh năm 19U (chủ hộ kinh doanh T);

Địa chỉ: Số nhà C, khóm N, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà M, sinh năm 19Y (văn bản ủy quyền lập ngày 02/3/2023, có mặt);

Địa chỉ: Số nhà C, khóm N, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông H1, sinh năm 19R (có mặt);

2.2. Bà L, sinh năm 19YY (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2023 của nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 25/01/2019 ông H (chủ hộ kinh doanh T) ký kết Hợp đồng mua bán số 06/2019/HĐMB – HKDTQM về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty V sản

xuất và thuốc thủy sản với ông H1 và bà L. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông H1 và bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 15/12/2021 hai bên đối chiếu nợ, ông H1 và bà L còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Nay nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn ông H1 và bà L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ nêu trên là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Về lãi suất chậm trả ông H không có yêu cầu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông H1 trình bày: Ông H1 thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông H (chủ hộ kinh doanh T) và thừa nhận vợ chồng ông H1 và bà L còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Do nuôi tôm thất mùa, nên không có tiền trả cho ông H như đã thỏa thuận.

Đối với bị đơn bà L: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bà L, nhưng bà L vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bà L biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H1 và bà L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Bị đơn bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Ông H (chủ hộ kinh doanh T) với vợ chồng ông H1 và bà L ký kết Hợp đồng mua bán số 06/2019/HĐMB – HKDTQM ngày 25/01/2019 về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản. Hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc vụ nuôi sẽ thanh toán nợ cho ông H. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông H1 và bà L không thanh toán nợ đầy đủ cho ông H như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 15/12/2021 hai bên đối chiếu nợ thì ông H1 và bà L còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông H với số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông H với ông H1 và bà L gồm có: Hợp đồng mua bán lập ngày 25/01/2019; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 15/12/2021. Đồng thời, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 01/8/2023 của bị đơn bà L và tại phiên tòa bị đơn ông H1 đều thừa nhận còn nợ tiền thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông H (chủ hộ kinh doanh T) như đã nêu trên. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông H không cần phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H (chủ hộ kinh doanh T). Buộc các bị đơn ông H1 và bà L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông H (chủ hộ kinh doanh T) với số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H (chủ hộ kinh doanh T) được chấp nhận nên các bị đơn ông H1, bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bị đơn ông H1, bà L là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 146, 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H (chủ hộ kinh doanh T).

Buộc các bị đơn ông H1 và bà L có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả nợ cho ông H (chủ hộ kinh doanh T) số tiền là 176.487.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông H1 và bà L còn liên đới trả lãi cho ông H (chủ hộ kinh doanh T) theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông H1 và bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông H (chủ hộ kinh doanh T) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 4.412.000 đồng (bốn triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007825 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA
TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương